

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT**

Số: 10/2007/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bát Xát, ngày 28 tháng 12 năm 2007

**NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua kết quả phân loại đơn vị hành chính
huyện Bát Xát**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26/01/2007 của Chính phủ về việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 05/2007TT-BNV ngày 21/6/2007 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 15/2007/NĐ-CP của Chính phủ, tổ chức thực hiện việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện theo quy định;

Sau khi xem xét tờ trình số: 259/TTr-UBND ngày 24/12/2007 của UBND huyện, Báo cáo thẩm tra số 33/BC-BPC ngày 24/12/2007 của Ban pháp chế HĐND huyện và ý kiến của các đại biểu HĐND huyện dự kỳ họp;

Hội đồng nhân dân huyện Bát Xát khoá XVI - kỳ họp thứ 9,

NGHỊ QUYẾT:

Điều 1. Nay nhất trí thông qua kết quả phân loại đơn vị hành chính huyện Bát Xát là đơn vị hành chính cấp huyện loại II

(Có phụ biểu chi tiết tổng hợp kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho

1. UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh thẩm định theo quy định.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện và các đại biểu HĐND huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Bùi Hữu Lợi

BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ VÀ YẾU TỐ ĐẶC THÙ
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2007/NQ-HĐND ngày 28/12/2007
của HĐND huyện Bát Xát)

STT	Tiêu chí, các yếu tố đặc thù	Điểm quy định	Điểm tăng thêm	Tổng số điểm	Ghi chú
1	Về dân số				
-	Dân số (31/12/2006): 67.128 khẩu	50	45	95	
2	Về diện tích				
-	Diện tích tự nhiên: 106.189,69ha	40	86	126	
3	Các yếu tố đặc thù				
a	Huyện thuộc khu vực biên giới	20		20	
b	Huyện thuộc khu vực vùng cao	25		25	
c	Huyện có 23 đơn vị hành chính cấp xã		6	6	
d	Tỷ lệ thu ngân sách bình quân 3 năm (2004 - 2006) đạt 148%	5	9	14	
e	Có tỷ lệ người dân tộc ít người chiếm 82%	10		10	
	Tổng cộng:	150	146	296	

**BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỪ NĂM 2004 - 2006**
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2007/NQ-HĐND ngày 28/12/2007
của HĐND huyện Bát Xát)

ĐVT: Tr.đồng

STT	Tiêu chí	Năm 2004		Năm 2005		Năm 2006	
		Số thu	TH/KH (%)	Số thu	TH/KH (%)	Số thu	TH/KH (%)
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	8.833,7	126	15.739,9	103	32.859	215
1	Thu từ DN quốc doanh	551,3		5.449		24.733	494
2	Thu ngoài quốc doanh	102,5	105	2.310	179	2.681,3	104
3	Thuế nhà đất	40,8	163	53,7	84	67,8	100
4	Thuế chuyển quyền SD đất	78	64	65,2	81	56,3	70
5	Thu tiền sử dụng đất	5.080	136	5.019	77	2.022	40
6	Tiền cho thuê đất	46,7	106	42,6	99	26,3	61
7	Phí, lệ phí	412,5	89	537,4	113	615,9	96
8	Thu khác qua NS	296	110	391,2	98	758	158
9	Thu quản lý qua NSNN	1.296	63	1.872	84	1.624,3	60

BẢNG THỐNG KÊ DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2007/NQ-HĐND ngày 28/12/2007
của HĐND huyện Bát Xát)

I. Tổng dân số: 67.128 khẩu

STT	Xã, thị trấn	Tổng số hộ	Tổng số khẩu		Lao động	Ghi chú
		Số thu	Tổng số	T.đó: nữ	Số thu	TH/KH (%)
1	Thị trấn	1.071	4.103	1.987	2.209	
2	A Mú Sung	355	1.822	948	918	
3	Nậm Chạc	358	2.040	1.058	1.016	
4	A Lù	345	1.927	957	935	
5	Trình Tường	976	5.009	2.537	2.396	
6	Ngải Thầu	282	1.647	824	804	
7	Y Tý	662	3.867	2.035	1.923	
8	Cốc Mỳ	823	4.065	1.962	1.932	
9	Dền Sáng	326	1.784	924	897	
10	Bản Vược	735	3.022	1.521	1.482	
11	Sảng Ma Sáo	562	3.547	1.815	1.798	
12	Bản Qua	1.175	5.387	2.795	2.759	
13	Mường Vi	455	2.262	1.164	1.148	
14	Dền Thành	501	2.861	1.439	1.415	
15	Bản Xèo	383	1.791	926	912	
16	Mường Hum	372	1.797	897	889	
17	Trung Lèng Hồ	319	1.814	938	917	
18	Quang Kim	1.123	4.920	2.468	2.423	
19	Pa Cheo	442	2.749	1.409	1.324	
20	Nậm Pung	260	1.459	739	729	
21	Phìn Ngan	407	2.473	1.257	1.241	
22	Cốc San	930	3.939	2.019	1.997	
23	Tòng Sành	225	1.436	746	735	
	Tổ chức khác		1.407	754	1.280	
	Toàn huyện	13.087	67.128	34.119	34.079	

II. Cơ cấu dân tộc:

Kinh: 12.224 chiếm 18,21% tổng dân số trên địa bàn huyện.

Giáy: 12.963

Mông: 19.097

Dao: 17.998 chiếm 81,79% tổng số trên địa bàn huyện.

Hà Nhì: 3.584

Khác: 1.262